

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2025/DS-ST

Ngày 11-9-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Dũng, ông Ma Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 73/2025/TLST-DS ngày 27/5/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 13/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố B, xã L, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Ngày 14/4/2023, bà S cho chị em nhà bà Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Thị Thủy T vay số tiền 200.000.000 đồng. Việc vay mượn được lập thành Giấy vay tiền, đề ngày 14/4/2023. Khi bà D và bà T không trả tiền, bà S đã liên hệ đòi tiền, thì bà D có nhắn tin thông qua ứng dụng Zalo cho bà S với nội dung khoản vay 200.000.000 đồng ngày 14/4/2023 bà D sẽ có trách nhiệm trả cho bà S. Sau thời gian dài cả bà D lẫn bà T không ai trả cho bà S khoản tiền nào thì bà S đã khởi kiện bà D tại Tòa án. Quá trình làm việc tại Tòa án, để tạo điều kiện cho việc trả nợ, bà S, bà D, bà T đã cùng nhau thỏa thuận về việc khoản vay 200.000.000 đồng sẽ được chia thành 02 khoản cho bà T và bà D. Thỏa thuận này được lập thành 02 văn bản là Giấy hẹn trả nợ ngày 29/11/2024, người hẹn nợ là bà T, với nội dung bà

T sẽ có trách nhiệm trả cho bà S số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi; và Giấy hẹn trả nợ ngày 06/12/2024, người hẹn nợ là bà D, với nội dung bà D sẽ có trách nhiệm trả cho bà S số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi. Sau khi xác lập 02 văn bản nêu trên thì bà S đã rút đơn khởi kiện để bà T và bà D có thời gian thu xếp trả nợ; Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 57/2024/QĐST-DS ngày 06/12/2024.

Tuy nhiên, sau đó bà D và bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà S nên bà S khởi kiện lại và Tòa án thụ lý thành 02 vụ án. Về khoản nợ đối với bà T, Tòa án đã thụ lý vụ án số 72/TB-TLVA ngày 27/5/2025; trong vụ án này, hiện tại bà S và bà T đã thỏa thuận được về nghĩa vụ trả nợ đối với giấy hẹn trả nợ giữa bà T với bà S.

Đối với khoản nợ của bà D theo Giấy hẹn trả nợ ngày 06/12/2024, bà S đang khởi kiện trong vụ án này. Theo nội dung giấy hẹn trả nợ thì ngày 15/4/2025 bà D phải trả cho bà S số tiền 115.600.000 đồng; bắt đầu từ ngày 15/12/2024 hàng tháng bà D sẽ trả cho bà S 1.200.000 đồng tiền lãi cho đến khi bà D trả xong 100.000.000 đồng cho bà S; nếu bà D vi phạm thời hạn trả nợ thì bà S được quyền khởi kiện bà D để đòi lại số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,2%/tháng tính từ ngày 21/10/2023.

Hiện nay, bà D đã vi phạm thời hạn trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà D phải thực hiện thỏa thuận theo nội dung Giấy hẹn trả nợ ngày 06/12/2024; buộc bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,2%/tháng trên nợ gốc chậm trả kể từ ngày 21/10/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc. Bà S chỉ yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất như đã thỏa thuận trong Giấy hẹn trả nợ, không yêu cầu khoản tiền lãi nào khác.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:*

Tôi và bà Nguyễn Thị Thủy T là chị em ruột. Trước đây chị T có vay của bà S số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền đề ngày 14/4/2023. Tại giấy vay tiền này cả bà T và tôi có kí và viết tên dưới mục “Người vay” nhưng thực ra tôi chỉ kí với tư cách người làm chứng. Trên thực tế khoản vay này là bà T vay của bà S chứ tôi không vay. Sau này bà S khởi kiện tôi tại Tòa án để đòi số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền nêu trên. Quá trình làm việc tại Tòa án, khoản tiền 200.000.000 đồng được tách thành 02 giấy hẹn trả nợ; với nội dung bà T có nghĩa vụ trả nợ cho bà S theo 01 giấy hẹn, còn tôi xác lập Giấy hẹn trả nợ mà bà S đang khởi kiện tôi trong vụ án này; sau đó bà S rút đơn khởi kiện.

Tuy nhiên, trên thực tế khoản vay này là bà T vay của bà S chứ tôi không vay nên tôi không đồng ý trả nợ cho bà S.

** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thủy T trình bày:*

Bà T và bà Nguyễn Thị Thùy D (là bị đơn trong vụ án) là chị em ruột. Ngày

14/4/2023 bà T có vay của bà S số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền đề ngày 14/4/2023. Tại giấy vay tiền thì cả bà T cùng và D cùng ký, viết tên dưới mục “Người vay”, tuy nhiên khoản vay thực ra là của bà T vay của bà S, bà D chỉ ký với mục đích làm chứng. Sau này bà S khởi kiện bà D để đòi khoản tiền 200.000.000 đồng. Quá trình làm việc với Tòa án thì bà S, bà D, bà T đã thỏa thuận với nhau rằng bà T sẽ trả cho bà S 100.000.000 đồng; bà D sẽ trả cho bà S 100.000.000 đồng; các bên lập thỏa thuận theo 02 giấy hẹn trả nợ. Sau đó bà S rút đơn khởi kiện vụ án này.

Do chưa có đủ khả năng trả nợ theo giấy hẹn nên bà S đã khởi kiện lại bà T theo vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 72/TB-TLVA ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lắc. Trong vụ án này Tòa án đã hòa giải và bà T đồng ý trả nợ cho bà S theo giấy hẹn.

Đối với khoản tiền mà bà S đang khởi kiện bà D theo giấy hẹn mà bà D xác lập với bà S trong vụ án này thì trên thực tế khoản tiền là của bà T vay của bà S chứ không phải của bà D vay nên đề nghị Tòa án xem xét không buộc bà D phải trả nợ cho bà S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,2%/tháng trên nợ gốc chậm trả kể từ ngày 21/10/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện bà Nguyễn Thị Thùy D với nội dung yêu cầu bà D trả cho bà S số nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận. Vì vậy, Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 14/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk) đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 104/2024/TLST-DS về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị S với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D. Trong vụ án này, bà S khởi kiện bà D với nội dung yêu cầu bà D trả cho bà S số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi theo Giấy vay tiền, đề ngày 14/4/2023. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã

được thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì trong quá trình giải quyết vụ án này, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Thùy D, bà Nguyễn Thị Thủy T đã thỏa thuận khoản tiền 200.000.000 đồng mà bà S khởi kiện yêu cầu bà D phải trả được tách thành 02 khoản cho bà T và bà D. Thỏa thuận này được lập thành 02 văn bản là Giấy hẹn trả nợ ngày 29/11/2024, người hẹn nợ là bà T, với nội dung bà T sẽ có trách nhiệm trả cho bà S số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi; và Giấy hẹn trả nợ ngày 06/12/2024, người hẹn nợ là bà D, với nội dung bà D sẽ có trách nhiệm trả cho bà S số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi. Sau khi xác lập 02 văn bản nêu trên thì bà S đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Lắc đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 57/2024/QĐST-DS ngày 06/12/2024.

[2.2] Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, bà S căn cứ vào 02 giấy hẹn trả nợ đã thỏa thuận với bà T và bà D, khởi kiện 02 vụ án dân sự tại Tòa án, cụ thể:

[2.2.1] Căn cứ vào Giấy hẹn trả nợ ngày 29/11/2024, bà S khởi kiện bà T; Tòa án nhân dân huyện Lắc đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 72/2025/TLST-DS ngày 27/5/2025. Trong vụ án này, Tòa án đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2025/QĐST-DS ngày 13/8/2025 với nội dung công nhận sự thỏa thuận về nghĩa vụ trả nợ của bà T đối với bà S.

[2.2.2] Căn cứ vào Giấy hẹn trả nợ ngày 06/12/2024, bà S khởi kiện bà D; Tòa án nhân dân huyện Lắc đã thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 73/2025/TLST-DS ngày 27/5/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, là vụ án hiện tại đang xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà D cho rằng khoản vay 200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 14/4/2023, trong vụ án dân sự sơ thẩm mà Tòa án nhân dân huyện Lắc đã thụ lý số 104/2024/TLST-DS ngày 14/10/2024, là tiền mà bà T vay của bà S; bà D không vay số tiền này nên không đồng ý trả tiền cho bà S.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà S đối với bà D trong vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 104/2024/TLST-DS ngày 14/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, giữa bà S, bà T và bà D đã xác lập thỏa thuận về nghĩa vụ trả tiền thông qua 02 giấy hẹn trả nợ. Cụ thể giữa bà S và bà D đã xác lập Giấy hẹn trả nợ ngày 06/12/2024. Việc xác lập thỏa thuận này giữa bà S và bà D được thực hiện sau khi các bên xác lập Giấy vay tiền ngày 14/4/2023 và trong quá trình các bên đang giải quyết vụ án tại Tòa án. Hội đồng xét xử nhận thấy tại thời điểm xác lập giấy vay tiền các bên không bị ai ép buộc, hoàn toàn tự nguyện; có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Như vậy, giao dịch dân sự này đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật Dân sự; căn cứ Điều 274, Điều 275 Bộ luật Dân sự, thỏa thuận này là căn cứ phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bà D đối với bà S mà không phụ thuộc vào việc ai là người vay tiền của bà S theo Giấy vay tiền ngày 14/4/2023.

Xét nội dung Giấy hẹn trả nợ ngày 06/12/2024, nhận thấy bà D đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà S như sau: “Ngày 15/4/2025 tôi sẽ trả cho bà S tổng

số tiền 115.600.000 đồng... Vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/12/2024 hàng tháng tôi sẽ trả cho bà S 1.200.000 đồng tiền lãi cho đến khi tôi trả xong 100.000.000 đồng tiền gốc cho bà S.

Nếu tôi vi phạm thời hạn trả nợ như thỏa thuận trên thì bà S có quyền khởi kiện lên Tòa án để buộc tôi trả tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi thỏa thuận là 1,2%/tháng tính từ ngày 21/10/2023 cho đến khi tôi trả xong nợ cho bà S.”.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại bà D chưa trả cho bà S được khoản tiền nào là đã vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc bà D có nghĩa vụ trả cho bà S các khoản tiền cụ thể như sau:

- Tiền gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);
- Tiền lãi với mức lãi suất 1,2%/tháng, tính đến thời điểm xét xử là 22 tháng, 21 ngày: $(100.000.000 \text{ đồng} \times 22 \text{ tháng} \times 1,2\%) + (100.000.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ ngày} \times 0,04\%) = 27.240.000 \text{ đồng}$ (hai mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

[3] Về án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[3.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị S được nhận lại 3.070.000 đồng (ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006778 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 6.362.000 đồng (sáu triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117; Điều 274; Điều 275; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S:

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy D phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi cho đến thời điểm xét xử là 27.240.000 đồng (hai mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1,2%/tháng.

[2] Về án phí:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị S được nhận lại 3.070.000 đồng (ba triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006778 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 6.362.000 đồng (sáu triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 6 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Duy Nguyên